TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2019/QĐST-DS	*T, ngày 28 tháng 5 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 13, khoản 4 Điều 15, khoản 2, khoản 7 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 12/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị H SN 1966

Địa chỉ: Xóm TL, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đồng bị đơn: Anh Trần Quang H1 SN 1982

Chị Hà Thị Phương L SN 1983

Cùng địa chỉ: Xóm MT, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Trần Quang H1 và chị Hà Thị Phương L cùng thống nhất số tiền gốc và tiền lãi còn nợ đối với chị Phan Thị H tính đến hết tháng 5/2019 là 830.738.000đ (Tám trăm ba mươi triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn đồng).

2.2. Số tiền trên được phân kỳ trả nợ như sau:

Ngày 21/7/2019 trả số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Ngày 21/02/2020 trả số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Ngày 21/7/2020 trả nốt số tiền 430.738.000đ (Bốn trăm ba mươi triệu bảy

trăm ba mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày 01/6/2019 trở đi cho đến khi thi hành án xong số tiền như đã thỏa thuận ở trên, anh Trần Quang H1 và chị Hà Thị Phương L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Quang H1 và chị Hà Thị Phương L cùng thống nhất tự nguyện chịu theo pháp luật. Anh H1 và chị L đã có đơn xin giảm tiền án phí có xác nhận của UBND xã M. Tòa án quyết định giảm 50% đối với phần án phí mà anh H1 và chị L phải chịu theo quy định. Nay buộc anh Trần Quang H1 và chị Hà Thị Phương L phải chịu số tiền 13.845.500đ (Mười ba triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn năm trăm đồng).

Xác nhận chị Phan Thị H đã nộp 14.700.000đ (Mười bốn triệu bảy trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2011/01546 ngày 26/4/2019. Nay chị H được trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- CC.THADS huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

Phạm Tuấn Anh